

Số: /BC-UBND

Hoài An, ngày tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế- xã hội và các Nghị quyết của Quốc Hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023 trên địa bàn huyện Hoài An.

Phần thứ nhất

VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2022/QH15 NGÀY 11/01/2022 CỦA QUỐC HỘI VỀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA, TIỀN TỆ HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 43

Trên cơ sở Nghị quyết số 43 và các văn bản hướng dẫn của tỉnh, UBND huyện thực hiện, không ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 43

A. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và công tác tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết số 43

1. Kết quả đạt được

a. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

Việc thực hiện Nghị quyết số 43 đã giúp cho địa phương ổn định, phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, công tác phòng chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người dân được thực hiện có hiệu quả. Năm 2022, UBND huyện đã phân bổ 449 triệu đồng chi cho công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân kịp thời.

b. Đánh giá về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

Trên cơ sở Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế- xã hội, UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo cho các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu các văn bản thực hiện các chính sách theo Nghị quyết đề ra.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

B. Kết quả thực hiện các chính sách cụ thể

1. Việc thực hiện các chính sách tài khóa

1.1. Chính sách miễn giảm thuế

Để triển khai có hiệu quả các chính sách đến toàn thể nhân dân, Ngành thuế đã có văn bản hướng dẫn người nộp thuế. Cụ thể là chính sách áp dụng giảm 2% thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%. Kết quả thực hiện chính sách miễn giảm thuế:

- Đối với Doanh nghiệp: Tổng số đối tượng nộp thuế là 33, tổng số thuế GTGT được miễn giảm là 2.364 triệu đồng.

- Đối với hộ kinh doanh: Tổng số đối tượng nộp thuế là 11, tổng số thuế GTGT được miễn giảm là 26,5 triệu đồng

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn những tồn tại, bất cập:

- Nghị định số 15/2022/NĐ-CP không quy định giảm thuế GTGT đồng loạt xuống 8% mà chỉ áp dụng với một số loại hàng hóa, dịch vụ dẫn đến doanh nghiệp lung tung không việc thực hiện các thủ tục miễn giảm thuế.

- Doanh nghiệp có nhiều mặt hàng chưa hoàn thiện phần mềm bán hàng để hỗ trợ xuất hóa đơn theo đúng quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP.

1.2. Chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm

Trên cơ sở Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/NQ-QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình; Kế hoạch số 933/KH-NHCS ngày 30/01/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH; văn bản số 711/UBND-VX ngày 14/2/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh, UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo số 127/UBND-VX ngày 23/02/2022 triển khai kịp thời chính sách an sinh xã hội, lao động việc làm đến nhân dân trên địa bàn.

- Tính đến ngày 19/12/2023 tổng dư nợ cho vay 04 chương trình đạt 78.323 triệu đồng, hoàn thành 97% kế hoạch được giao, còn thực hiện 2.400 triệu đồng (nhà ở xã hội 250 triệu đồng, Giải quyết việc làm 2.150 triệu đồng). Dự kiến đến 31/12/2023 hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch được giao. Kết quả triển khai các chương trình cụ thể như sau:

+ Chương trình cho vay Giải quyết việc làm

Căn cứ Nghị quyết số 181/NQ-CP ngày 02/11/2023 của Chính phủ về việc điều chỉnh nhiệm vụ chi thực hiện các chính sách cho vay ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP.

Thực hiện văn bản số 9018/NHCS-KHNV ngày 06/11/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội; văn bản số 1581/NHCSBĐ-KHNV ngày 07/11/2023 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh về việc triển khai giải ngân các chính sách cho vay ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP. Phòng giao dịch đã báo cáo, tham mưu Trưởng ban đại diện HĐQT NHCSXH huyện ban hành văn bản chỉ đạo số 48/BĐD-HĐQT ngày 07/11/2023 về triển khai giải ngân các chính sách cho vay ưu đãi ưu đãi theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, đồng thời, tham mưu giao chỉ tiêu kế hoạch 30 tỷ của chương trình cho vay giải quyết việc làm cho các xã, thị trấn được phê duyệt.

Phối hợp với UBND xã, thị trấn, các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chính sách cho vay các chương trình tín dụng ưu đãi như: cho vay nhà ở xã hội, cho vay người chấp hành xong án phạt tù, cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, cho vay giải quyết việc làm. Đồng thời tổ chức tuyên truyền, vận động các đối tượng thụ hưởng có nhu cầu, đủ điều kiện đều được xem xét; thực hiện nghiêm túc quy trình cho vay, tổ chức bình xét cho vay đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, phù hợp khả năng sản xuất kinh doanh của từng đối tượng thụ hưởng.

Đơn vị tổ chức triển khai tốt công tác phối hợp kiểm tra trước và trong cho vay, chỉ đạo tổ kế hoạch nghiệp vụ phân công cán bộ tín dụng địa bàn kiểm tra cho vay chéo các chương trình, kiểm tra trực tiếp trước khi cho vay đảm bảo 100% đối tượng xin vay vốn chương trình Giải quyết việc làm. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện kiểm tra thông tin đối tượng thụ hưởng 653 người lao động.

Tổng kế hoạch giao 46.000 triệu đồng: năm 2022: 16.000 triệu đồng, năm 2023 giao 30.000 triệu đồng; từ ngày 10/11/2023 đến ngày 18/12/2023 đơn vị thực hiện giải ngân 26.950 triệu đồng/480 lao động (24.000 triệu đồng/425 lao động; ngày 6/12/2023 giải ngân 2.950/55 lao động) thực hiện đến nay 19/12/2022 đạt 43.850 triệu đồng đạt 95% kế hoạch giao, còn phải thực hiện 2.150 triệu đồng.

+ Chương trình cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP: doanh số cho vay 10.271 triệu đồng/26 đối tượng thụ hưởng nâng tổng dư nợ đạt 26.282 triệu đồng/78 khách hàng, tăng 9.393 triệu đồng so với năm 2022. Trong đó dư nợ cho vay theo Nghị quyết 11/NQ-CP đạt 17.156 triệu đồng, tăng 9.650 triệu đồng hoàn thành 100% kế hoạch (năm 2022: 7.506, năm 2023: 9.650).

+ **Chương trình cho vay hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP**, trong năm 2023 thực hiện giải ngân 5.040 triệu đồng/101 hộ, nâng tổng dư nợ đạt 10.000 triệu đồng/225 hộ còn dư nợ, hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch được giao. Trong đó, cho vay chuyển đổi nghề 2.400 triệu đồng/35 hộ; cho vay xây mới nhà ở 2.240 triệu đồng/56 hộ; cho vay sửa chữa nhà 5.360 triệu đồng/134 hộ.

+ **Công tác hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 36/2022/NĐ-CP**

- Toàn huyện có 7.991 đối tượng được hỗ trợ lãi suất với số tiền 6.696 triệu, đơn vị nghiêm túc thực hiện kiểm tra, giám sát đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng, sử dụng vốn đúng mục đích, không để xảy ra trục lợi chính sách.

Đơn vị tổ chức kiểm tra 100% khách hàng vay vốn trong năm 2022 và 2023; đồng thời tham mưu UBND huyện thành lập đoàn công tác liên ngành kiểm tra việc cho vay theo Nghị quyết 11/NQ-CP, Nghị định 36/2022/NĐ-CP và Nghị định 28/2022/NĐ-CP tại 8 xã, 17 lượt tổ và 54 lượt hộ vay vốn, qua kiểm tra, các hộ đều sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng thụ hưởng.

2. Chính sách đầu tư phát triển: Không có

3. Việc thực hiện các chính sách tiền tệ

a. Kết quả đạt được

- Tổng nguồn vốn: 699.694 triệu đồng, tăng 106.019 triệu đồng (17,9%) so với năm 2022, trong đó nguồn vốn TW 620.674 triệu đồng chiếm tỷ trọng 89%, tăng 93.980 triệu đồng (17,8%); nguồn vốn địa phương 79.020 triệu đồng chiếm tỷ trọng 11% tăng 12.038 triệu đồng (17,9%).

- Tổng doanh số cho vay đến ngày 10/12/2023 đạt 242.244 triệu đồng, dự kiến đến 31/12/2023 đạt 250.000 triệu đồng với 4.500 lượt hộ vay, tăng 23.348 triệu đồng so với năm 2022; doanh số thu nợ 140.919 triệu đồng, tăng 2.974 triệu đồng so với năm 2022. Tổng dư nợ đến ngày 10/12/2023 đạt 694.113 triệu đồng, với 9.926 hộ hiện đang nợ, dự kiến đến ngày 31/12/2023 đạt 699.694 triệu đồng tăng 106.019 triệu đồng so với năm 2022, đạt tốc độ tăng trưởng dư nợ 17,86%, hoàn thành 100% chỉ tiêu kế hoạch dư nợ năm 2023. Dư nợ tăng chủ yếu tập trung ở các chương trình cho vay giải quyết việc làm, cho vay NS&VSMT nông thôn, cho vay hộ mới thoát nghèo, cho vay học sinh sinh viên, cho vay nhà ở xã hội.

- Chất lượng tín dụng: tổng nợ quá hạn và nợ khoanh thực hiện đến ngày 10/12/2023 là 709 triệu đồng/20 hộ, dự kiến đến ngày 31/12/2023 là 759 triệu đồng/20 hộ chiếm tỷ lệ 0,1%, tăng 226 triệu đồng (+0,01%) so với năm 2022. Trong

đó nợ khoanh 491 triệu đồng/11 hộ chiếm tỷ lệ 0,07%, tăng 114 triệu đồng so với năm 2022; nợ quá hạn 268 triệu đồng/9 hộ, chiếm tỷ lệ 0.038% tăng 112 triệu đồng (+0,01) so với năm 2022. Toàn huyện duy trì 15/15 xã, thị trấn đánh giá hoạt động tín dụng đạt loại tốt, có 11 xã, thị trấn không có nợ quá hạn.

- Kết quả huy động vốn: tính đến ngày 10/12/2023 đạt 96.500 triệu đồng tăng 7.192 triệu đồng so năm 2022, hoàn thành 101,25% kế hoạch (Kế hoạch 95.308 triệu đồng). Trong đó huy động từ tổ chức cá nhân đạt 55.000 triệu đồng tăng 1.060 triệu đồng (kế hoạch tăng 500 triệu đồng), huy động qua thành viên tổ TK&VV đạt 41.500 triệu đồng, tăng 6.132 triệu đồng (kế hoạch 5.500 triệu đồng).

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

4. Việc áp dụng cơ chế đặc thù (nếu có): địa phương không có áp dụng cơ chế đặc thù

5. Việc thực hiện các chính sách khác:

Kết quả đạt được: Bên cạnh các chính sách tài khóa, tiền tệ thì địa phương cũng thực hiện chính sách khác, cụ thể:

- Chương trình cho vay HSSV mua máy tính với tổng doanh số cho vay là 7.567 triệu đồng/542 hộ có dư nợ; được triển khai phủ khắp 15 xã thị trấn, đạt 100% kế hoạch giao.

III. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp:

2. Kiến nghị: không

Phần thứ hai

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẮC – NAM PHÍA ĐÔNG ĐOẠN QUA HUYỆN HOÀI AN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

Dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn đi qua địa bàn huyện có tổng chiều dài 19,40km (Đoạn 1: từ lý trình Km0+800 đến Km4+450 và Đoạn 2: từ lý trình Km5+220 đến Km20+970), đi qua địa bàn 04 xã: Ân Mỹ; Ân Thạnh; Ân Phong; Ân Tường Đông và Thị trấn Tăng Bạt Hổ.

Tổng diện tích thu hồi đất để giải phóng mặt bằng cho tuyến chính: 171,64ha. Số hộ, tổ chức bị ảnh hưởng 1.792 hộ, 12 tổ chức; nhà cửa vật kiến trúc bị ảnh

hưởng 214 cái (trong đó: giải tỏa trắng: 149 cái, giải tỏa một phần 65 cái); số hộ phải bố trí tái định cư: 161 hộ; số ngôi mộ phải di dời: 904 mộ. Khối lượng hạ tầng kỹ thuật cần di dời gồm: đường dây 35kV; đường dây 22kV; đường dây 0,4kV và 3.555m hệ thống chiếu sáng công cộng.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG GPMB VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

1. Về công tác giải phóng mặt bằng

1.1. Kết quả đạt được

a) Tình hình triển khai thực hiện

Đã chỉ đạo hoàn thành việc đo vẽ, xác nhận nguồn gốc đất, lập và phê duyệt 78 đợt (67 phương án bồi thường GPMB và 11 dự án đầu tư di dời hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các khu tái định cư) với số tiền 583,43 tỷ đồng (đạt 100%); Trong đó, phần diện tích tuyến chính 50 phương án, với 1.792 hộ và 12 tổ chức, số tiền phê duyệt: 485,18 tỷ đồng, diện tích: 171,64ha.

Khối lượng di dời hạ tầng kỹ thuật bao gồm đường dây điện và hệ thống chiếu sáng đạt tỷ lệ trên 95%. Số ngôi mộ đã di dời 904 ngôi mộ, đạt: 100%. Đã giao đất được 161/161 hộ thuộc diện phải bố trí tái định cư, đạt: 100%; Số hộ đã giao đất ngoài thực địa 161 hộ, với 218 lô đất.

b) Đánh giá chung

Đến nay đã cơ bản hoàn thành phê duyệt Phương án bồi thường GPMB trên tuyến chính và phần diện tích tăng thêm đạt 100%; Các điểm vướng của dự án cơ bản đã giải quyết, bàn giao mặt bằng thông tuyến dự án để triển khai thi công.

1.2. Những tồn tại, hạn chế

- Hầu hết các hộ dân bị giải tỏa đã nhận tiền bồi thường và tổ chức xây dựng nhà ở mới, tuy nhiên cần phải có nhiều thời gian để các hộ dân làm nhà ổn định nơi ở mới, vì điều kiện nông thôn không có khả năng thuê nhà tạm để ở, cùng với tập quán tâm linh của người dân. Mặc dù hiện nay địa phương đã cơ bản hoàn thành việc bàn giao đất tái định cư, do đó một số vị trí còn vướng nhà dân chưa tháo dỡ.

- Hiện nay số hộ dân thuộc diện đền bù, giải phóng mặt bằng của huyện Hoài Ân chưa thống nhất phương án đền bù, chưa nhận tiền còn 10 hộ. Trong đó: 05 hộ cho rằng đơn giá bồi thường về nhà ở vật kiến trúc thấp; 04 hộ đề nghị bồi thường về đất, tuy nhiên đất do UBND xã quản lý; 01 hộ đề nghị bồi thường về đất ở trên đất khai hoang, chưa công nhận đất ở.

1.3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Nhiệm vụ giải phóng mặt bằng dự án trọng điểm cấp quốc gia với khối lượng quá lớn, thời gian rất ngắn phải hoàn thành diện tích thu hồi 171,64ha; 1.792 hộ và 12 tổ chức bị ảnh hưởng; chiều dài 19,42km đi qua 4 xã và 01 thị trấn. Trong điều kiện địa phương nhận cọc mốc do chủ đầu tư bàn giao chậm (so với thời hạn 30/6/2022) theo quy định tại Nghị quyết 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ hơn 03 tháng (đến tháng 9/2022 Ban QLDA 85 mới hoàn thành bàn giao cọc mốc GPMB lần đầu cho địa phương).

- Bên cạnh đó, thiết kế cơ sở của chủ đầu tư được khảo sát thiếu thực tiễn, khi triển khai ra thực địa thì gặp nhiều bất cập, phải điều chỉnh thiết kế nên ảnh hưởng đến phạm vi GPMB, đến ngày 27/6/2023 chủ đầu tư mới bàn giao tiếp phần diện tích bổ sung, mở rộng do đó cần phải thống kê, kiểm đếm, lập phương án bồi thường GPMB và thu hồi đất bổ sung; các hạn mục di dời hạ tầng điện đã thỏa thuận phương án kỹ thuật, tổ chức thi công hoàn thành, phải tháo dỡ để thỏa thuận và thi công trở lại.

- Hiện nay, trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Hoài Ân đang sử dụng Bản đồ 299. Đây là bản đồ phân loại đất theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng, đăng ký ruộng đất trong cả nước. Bản đồ này được lập trên địa bàn huyện từ năm 1985, để thực hiện việc chỉnh lý và cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ (trong đó có gắn với giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân). Loại bản đồ này hiện nay quá lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai hiện nay, nhất là công tác đo đạc, xác nhận nguồn gốc đất để bồi thường, hỗ trợ GPMB. Do đó, đã xảy ra rất nhiều trường hợp khiếu nại, khiếu kiện về nguồn gốc đất và việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

- Nguồn nhân lực làm công tác bồi thường, GPMB của địa phương là quá mỏng: nhân lực có chuyên môn tại Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ của huyện chỉ: 05 người, địa phương phải hợp đồng thêm 12 lao động có chuyên môn tương đương để bổ sung chuyên trách làm nhiệm vụ; trong khi khối lượng các công trình dự án của các ngành của tỉnh, của huyện làm chủ đầu tư trong 02 năm 2022 và 2023 của địa phương rất lớn (101 công trình, với tổng mức đầu tư trên 577,5 tỷ đồng, cùng với đó là các công trình, dự án do các tổ chức khác thi công trên địa bàn như Thủy điện Nước Lương, đường dây Thủy điện hồ Đồng Mít và các công trình do các xã, thị trấn làm chủ đầu tư.

- Nhận thức của số hộ dân còn hạn chế, thiếu hiểu biết về pháp luật đất đai, nên làm đơn khiếu nại, khiếu kiện; có nhiều trường hợp bị các đối tượng khác xúi giục khiếu nại, khiếu kiện; đặc biệt có một số hộ cố tình chống đối, buộc chính quyền phải tổ chức cưỡng chế, tốn rất nhiều thời gian và nhân lực thực hiện.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác phối hợp thực hiện còn rời rạc; một số ngành địa phương chưa xác định rõ nhiệm vụ phải thực hiện, do đó chất lượng thực hiện có mặt còn hạn chế;

- Hội đồng BT GPMB của huyện đã tích cực triển khai thực hiện, tuy nhiên chất lượng, tiến độ về lập hồ sơ trình thẩm định phương án BT GPMB của cơ quan thường trực HĐ GPMB còn chậm, chưa đạt yêu cầu về mốc thời gian hoàn thành theo quy định; Một số phương án được phê duyệt nhưng khối lượng còn thiếu; một số cấu kiện, công trình xác định chưa hợp lý về quy mô, cấp kỹ thuật do đó phải rà soát điều chỉnh, phê duyệt bổ sung;

- Công tác xác nhận nguồn gốc đất của UBND các xã thị trấn thực hiện chậm; có xã xác nhận nguồn gốc chưa đúng nên phải thẩm tra, xác minh xử lý rất khó khăn;

- Công tác tuyên truyền, vận động chưa hiệu quả; chưa nắm bắt cụ thể về tâm tư nguyện vọng và kiến nghị của người dân; việc tuyên truyền chỉ dừng lại ở mức động viên, chưa giải thích triết để về quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ mà người dân chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

1.4. Về phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả, hỗ trợ người dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Qua quá trình triển khai, hướng dẫn và phối hợp các cơ quan có liên quan có 10/15 xã, thị trấn và đơn vị Phòng GD&ĐT huyện rà soát, lập danh sách đề nghị đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ cụ thể:

- Nhóm đối tượng lao động tự do: (Quyết định số 13/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/01/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn huyện Hoài Ân đợt 2).

Tổng số kinh phí hỗ trợ cho 165 đối tượng, với số tiền 247.500.000 đồng.

- Nhóm đối tượng trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 24/2022/QĐ-

TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ (phối hợp ngành Giáo dục và Đào tạo): (Công văn số 7408/UBND-VX ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh).

UBND huyện chi hỗ trợ cho 14 đối tượng thuộc 04 cơ sở mầm non ngoài công lập với số tiền 51.800.000 đồng.

2. Về công tác chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa

2.1. Kết quả đạt được

a) Tình hình triển khai thực hiện

- Tổng diện tích rừng bị ảnh hưởng là: 66,7ha (trong đó, rừng phòng hộ 35,6ha, rừng sản xuất bị ảnh hưởng là 31,1 ha). Đã chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Nghị quyết 273/NQ-UBTVQH15 là 33,6ha (trong đó, rừng phòng hộ 19,03ha, rừng sản xuất bị ảnh hưởng là 14,57ha). Diện tích tăng thêm so với Nghị quyết 273/NQ-UBTVQH15 là 33,1ha (trong đó, rừng phòng hộ 16,57ha, rừng sản xuất bị ảnh hưởng là 16,53ha).

- Đã tổ chức khai thác tận dụng gỗ loại thực vật thông thường từ rừng tự nhiên từ Km18+650 đến Km20+970 trong phạm vi đã chuyển mục đích sử dụng rừng, bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư, đạt 100%.

- Tổng diện tích đất lúa bị ảnh hưởng: 69,36 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa: 58,93ha, bao gồm: Xã Ân Tường Đông: 18,56ha (đất chuyên trồng lúa 13,34ha); Xã Ân Phong: 12,20ha (đất chuyên trồng lúa 7,53ha); Xã Ân Thạnh: 10,52ha (đất chuyên trồng lúa 10,43ha); Xã Ân Mỹ: 13,18ha (đất chuyên trồng lúa 13,18ha) và thị trấn Tăng Bạt Hổ 14,90ha, (đất chuyên trồng lúa 14,45ha).

b) Đánh giá chung: Công tác chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lúa được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Những tồn tại, hạn chế

- Hiện nay còn 33,1ha (Trong đó, rừng phòng hộ 16,57ha, rừng sản xuất bị ảnh hưởng là 16,53ha) chưa thể thực hiện phương án khai thác tận thu lâm sản và bán đấu giá lâm sản tận thu theo quy định.

2.3. Nguyên nhân

Phần diện tích đất rừng tăng thêm bị ảnh hưởng bởi tuyến chính hiện nay chưa có chủ trương chuyển đổi bổ sung của Trung ương, Chủ đầu tư (Bộ GTVT) chưa hoàn thành thủ tục về trồng rừng thay thế, do đó địa phương không có cơ sở để triển khai thực hiện.

3. Về công tác bố trí tái định cư

3.1. Kết quả đạt được

a) Tình hình triển khai thực hiện

- Các khu quy hoạch tái định cư phục vụ Dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông đi qua địa bàn huyện Hoài Ân gồm 8 khu với tổng diện tích xây dựng: 77.730m², tổng số lô xây dựng: 323 lô.

- Khối lượng thực hiện 08 khu tái định cư đạt tỷ lệ: 100%; đã giao đất được 161/161 hộ phải bố trí tái định cư, đạt tỷ lệ 100%; số hộ đã giao đất thực địa 161 hộ, với 218 lô.

b) Đánh giá chung

Các Khu tái định cư đã được đầu tư hoàn thành; vị trí tái định cư cơ bản tốt hơn vị trí nhà ở của các hộ dân bị giải tỏa trắng; hạ tầng kỹ thuật (điện, nước...), hạ tầng giao thông được đầu nối hoàn thiện, đảm bảo mỹ quan, kỹ mỹ thuật, đáp ứng tốt nhu cầu dân sinh.

3.2. Những tồn tại, hạn chế: Không có

4. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, ổn định đời sống của người dân

4.1. Kết quả đạt được

a) Tình hình triển khai thực hiện

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Hội đồng bồi thường, GPMB của huyện yêu cầu các tổ chức cá nhân bị thu hồi đất cung cấp hồ sơ, các giấy tờ có liên quan, hợp đồng lao động,... để được xem xét áp dụng chính sách bồi thường hỗ trợ theo quy định của pháp luật về: hỗ trợ ngừng việc cho người lao động; hỗ trợ thuê nhà ở; hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm,... và các hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

b) Đánh giá chung

Việc áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, ổn định đời sống người dân thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bước đầu giúp người dân ổn định cuộc sống. Về lâu dài tiếp tục rà soát, mở lớp hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, tạo sinh kế, ổn định cuộc sống cho người dân trong các năm tiếp theo

4.2. Những tồn tại, hạn chế: Không có

5. Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị

5.1. Kết quả đạt được

a) Tình hình triển khai thực hiện:

Xác định việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định là một trong những nhiệm vụ quan trọng để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, Ban chỉ đạo GPMB cao tốc Bắc – Nam của huyện đã ban hành Quyết định 4299/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 thành lập Tổ công tác chuyên trách giải quyết đơn thư liên quan đến việc bồi thường, GPMB cao tốc Bắc – Nam đoạn qua địa bàn huyện Hoài Ân. Tổ công tác do 01 đồng chí lãnh đạo Thanh tra huyện làm Tổ trưởng, lãnh đạo các ngành của huyện và lãnh đạo, công chức địa chính các xã, thị trấn có đường cao tốc đi qua làm thành viên tổ công tác. Tổ có nhiệm vụ tiếp công dân, tiếp nhận đơn và giải quyết đơn liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam đoạn qua địa bàn huyện Hoài Ân.

Cơ quan Thanh tra huyện là cơ quan thường trực tham mưu việc phân loại, xử lý đơn và cùng các ngành xác minh giải quyết đơn; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND huyện, Ban chỉ đạo GPMB và Hội đồng bồi thường; các địa phương và các ngành thụ lý giải quyết đơn theo thẩm quyền được quy định và được phân công. Song song với việc thành lập Tổ công tác chuyên trách giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, UBND huyện cũng ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác tuyên truyền nhằm tuyên truyền các chế độ chính sách liên quan đến công tác bồi thường để thực hiện dự án cao tốc Bắc – Nam và vận động nhân dân có tài sản bị ảnh hưởng chấp hành chủ trương chính sách, hạn chế thấp nhất việc gửi đơn khiếu nại, tố cáo.

Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh:

Từ ngày 01/01/2023 đến nay, các đơn vị, địa phương của huyện đã tiếp nhận 48 đơn khiếu nại và kiến nghị, phản ánh của các hộ dân liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi GPMB thực hiện dự án cao tốc Bắc – Nam (có 7 đơn do các ngành của tỉnh chuyển về). Trong đó, có 36 đơn kiến nghị, 12 đơn khiếu nại; Số đơn đông người: 03 đơn/24 người (các hộ dân thôn An Hậu xã Ân Phong và thôn Thạch Long I, Thạch Long II, xã Ân Tường Đông). Các ngành, các cấp của địa phương đã tập trung giải quyết 28 đơn kiến nghị (Trong đó: ban hành văn bản giải quyết kiến nghị 21 vụ, đình chỉ giải quyết và rút đơn 7 vụ do các hộ đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng), 11 đơn khiếu nại (trong đó: ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại 4 đơn, Ban hành văn bản đình chỉ giải quyết: 3 đơn, hộ tự

nguyên rút đơn: 3 vụ). Hiện nay, còn đang giải quyết 01 đơn khiếu nại và 8 đơn kiến nghị.

b) Đánh giá chung:

Nhìn chung, việc tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của địa phương được các ngành, các cấp triển khai giải quyết kịp thời; công tác thẩm tra, xác minh để giải quyết đơn thực hiện đúng trình tự, ban hành văn bản giải quyết khiếu nại đúng quy định. Công tác tuyên truyền, vận động được chú trọng góp phần hạn chế việc gửi đơn thư khiếu nại vượt cấp.

5.2. Những tồn tại, hạn chế

- Việc giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo có lúc, có nơi chưa kịp thời, một số vụ việc còn chậm giải quyết.

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân trong công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện Dự án cao tốc có lúc, có nơi chưa thật sự hiệu quả. Một số kiến nghị cụ thể của các hộ dân bị ảnh hưởng chưa được giải thích thỏa đáng.

5.3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Hầu hết kiến nghị, khiếu nại của các hộ dân liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ về đất ở, đất sản xuất. Tuy nhiên, việc quản lý đất đai trải qua nhiều thời kỳ và nhiều lần sửa đổi Luật Đất đai, công chức địa chính các xã thay đổi qua nhiều thời kỳ nên việc xác định nguồn gốc đất các hộ đang sử dụng gặp nhiều khó khăn, dẫn đến việc một số hộ dân chưa đồng thuận trong việc tính giá trị bồi thường, hỗ trợ.

- Đây là lần đầu tiên có một công trình trọng điểm quốc gia triển khai trên địa bàn huyện, khối lượng công việc bồi thường, giải phóng mặt bằng lớn và đột xuất nên không tránh khỏi bị động trong việc bố trí nhân lực phục vụ cho công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB.

- Một số hộ dân mặc dù đã được tuyên truyền, vận động nhiều lần và giải quyết kiến nghị, khiếu nại đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không đồng ý với kết quả giải quyết và phát sinh việc gửi đơn vượt cấp.

- Một số cán bộ, công chức làm công tác bồi thường, hỗ trợ chưa được tập huấn kỹ năng tiếp công dân, giải quyết khiếu nại nên việc hướng dẫn, giải thích, tuyên truyền cho các hộ trong công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB hiệu quả chưa cao.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Sự phối hợp giữa các ngành chuyên môn của huyện và các địa phương trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại của công dân có lúc chưa nhịp nhàng.

- Một số cán bộ, công chức làm công tác bồi thường, hỗ trợ khi tiếp nhận đơn chưa thực hiện xử đúng trình tự, thủ tục dẫn đến việc giải quyết đơn bị kéo dài.

6. Về công tác bố trí vốn và giải ngân

6.1. Kết quả đạt được

a) Tình hình triển khai thực hiện

Nhu cầu vốn thực hiện: 715.940 tỷ đồng; Vốn đã được cấp tính đến hiện nay: 581,918 tỷ đồng. Tổng kinh phí đã giải ngân: 568,719/581,918 tỷ đồng, đạt 97,7% vốn cấp. Trong đó, chi trả: 478,88 tỷ đồng cho 1.782/1.792 hộ dân và 12/12 tổ chức thuộc tuyến chính dự án. Đã bàn giao mặt bằng, chiều dài tuyến chính (cả phần mốc GPMB điều chỉnh, bổ sung) cho chủ đầu tư diện tích được 170,62/171,64ha diện tích ảnh hưởng, đạt tỷ lệ 99,4%, chiều dài tuyến chính đã bàn giao 18,7/19,4km.

b) Đánh giá chung

Vốn thực hiện công tác bồi thường GPMB đã được chủ đầu tư (Bộ GTVT) cấp phát bố trí cơ bản bảo đảm để địa phương thực hiện nhiệm vụ được giao.

6.2. Những tồn tại, hạn chế: Không có

7. Đánh giá về thực hiện các cơ chế chính sách đặc thù áp dụng cho dự án: (không có áp dụng cơ chế đặc thù).

III. KIẾN NGHỊ

1. Về hoàn thiện chính sách, pháp luật

1.1. Về Luật

Tại Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này”. Tuy nhiên, trong thực tế hiện nay, có rất nhiều trường hợp người trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 (không phải

thuê đất của UBND cấp xã), nhưng đất đó theo hồ sơ địa chính thuộc đất nông nghiệp do UBND xã quản lý (đất công ích) thì không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất.

1.2. Về nghị định hướng dẫn

Tại Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định: *“Trường hợp đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ; mức hỗ trợ cao nhất có thể bằng mức bồi thường; mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn”*.

Như vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chưa rõ ràng, khó áp dụng trong thực tiễn, người sử dụng đất thường khiếu nại yêu cầu nhà nước bồi thường về đất trong trường hợp này. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành, UBND tỉnh cần xem xét quy định rõ ràng hơn đối với trường hợp nêu trên.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Hoài Ân báo cáo đoàn giám sát Quốc hội tỉnh Bình Định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát;
- Sở KH&ĐT;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các ngành liên quan;
- Lưu: VT.

Nguyễn Hữu Khúc